

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG THÁP



ĐỀ ÁN

**MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành đào tạo: Sinh học

Tên tiếng Anh: Biology

Mã ngành: 8420101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6125 /QĐ-DHDT ngày 28 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

ĐÔNG THÁP – NĂM 2023

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	1
1. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
2. Sứ mạng, tầm nhìn	4
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ SINH HỌC.....	4
1. Phù hợp nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ sinh học đáp ứng yêu cầu xã hội hiện nay.	4
2. Phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Đồng Tháp.....	6
PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	6
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO	7
1. Các ngành, quy mô và hình thức đang đào tạo	7
2. Kết quả đào tạo ngành Sư phạm Sinh học trình độ đại học	8
3. Giới thiệu về Khoa Sư phạm Khoa học Tự Nhiên	8
II. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỀ MỞ NGÀNH	8
1. Chương trình đào tạo.....	8
1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	9
1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo	9
1.3. Mô tả tóm tắt chương trình đào tạo.....	10
1.3.1. Mục tiêu đào tạo.....	10
1.3.2. Chuẩn đầu ra.....	11
1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa	12
2. Kế hoạch đào tạo	12
2.1. Kế hoạch tuyển sinh.....	12
2.2. Kế hoạch đào tạo	14
III. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	15
1. Đội ngũ cán bộ, giảng viên	15
2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo	19
2.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý.....	19
2.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo.....	19
2.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu	19
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ TỒ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỀ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO ...	19

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	20
VI. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	21
VII. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	30
VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	30
8.1 Tập trung quản lý đầu vào, quá trình đào tạo và kết quả đầu ra	30
8.2 Quản lý những rủi ro khi mở ngành sinh học trình độ thạc sĩ	31
IX. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	32
X. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	33

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 12 năm 2023

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Sinh học

Mã số: 8420101; Trình độ: Thạc sĩ

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

1. Quá trình hình thành và phát triển

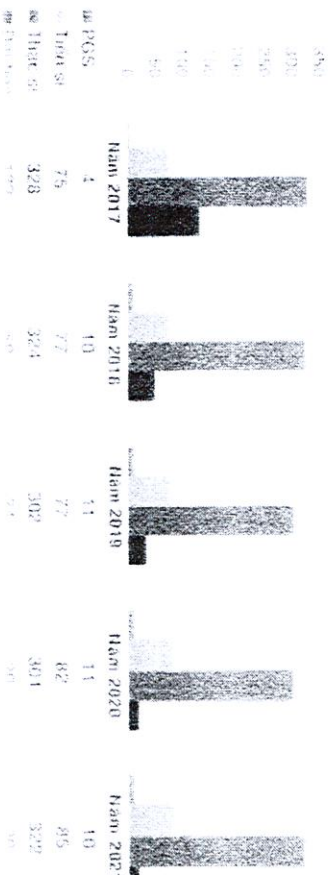
Trường Đại học Đồng Tháp (DHDT) là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), được thành lập theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5830/CVCP-KGVX ngày 04/9/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp.

Trường DHDT là một cơ sở giáo dục đa ngành, đảm bảo cung cấp có uy tín các dịch vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học đa lĩnh vực với sứ mạng: “*Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; NCKH và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng DBSCL và cả nước*”, với tầm nhìn đến năm 2030: “*Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á*” và hệ giá trị cốt lõi hay các nguyên tắc, niềm tin cơ bản để định hướng hành vi, quan hệ và ra quyết định của Trường DHDT là: “*Chất lượng - Sáng tạo - Hợp tác - Trách nhiệm - Thân thiện*”. Hiện nay, Trường DHDT được lựa chọn là một trong các cơ sở GDEH có vai trò quan trọng và đặc thù của cả nước cùng tham gia, triển khai thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ nhà giáo. Đồng thời, được BGD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn học sinh của các tỉnh DBSCL.

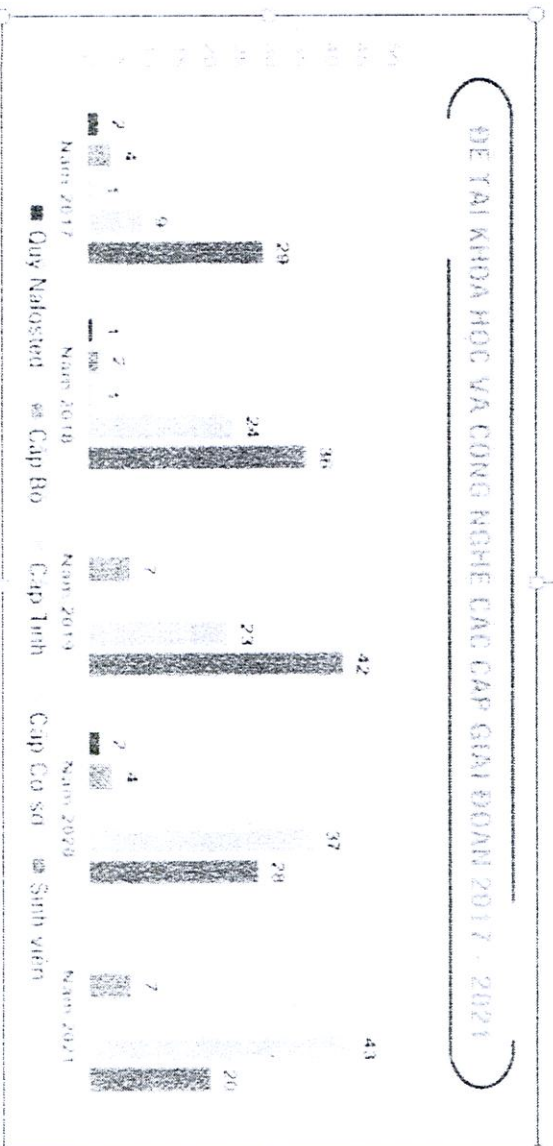
Trong những năm gần đây, Trường DHDT đã có những tiến bộ vượt bậc trong đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế. Về đào tạo, Trường có 01 chuyên

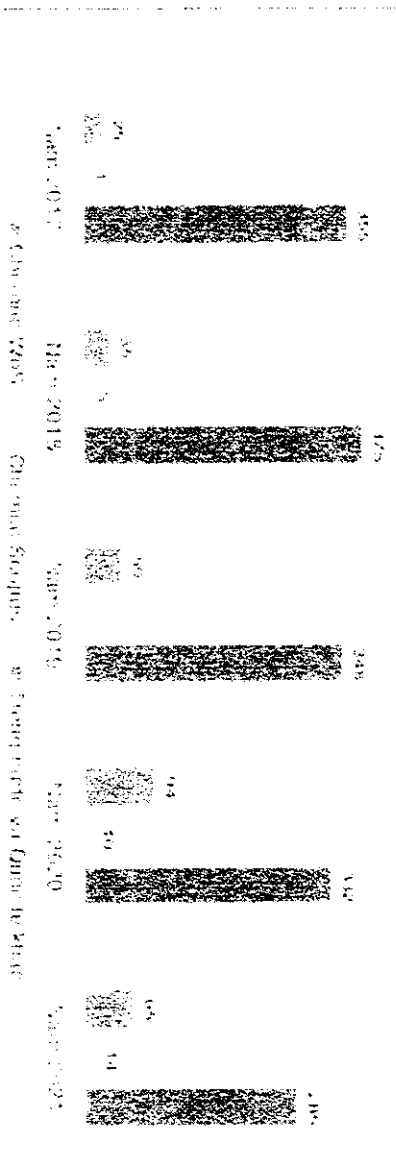
ngành trình độ tiến sĩ, 06 chuyên ngành trình độ thạc sĩ, 32 ngành trình độ đại học, 03 ngành trình độ cao đẳng đào tạo theo hình thức chính quy; Các CTĐT trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng được xây dựng và định kỳ cập nhật, phát triển từ năm 2012 đến 2021, đều có trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV của BGD&ĐT. Quy mô đào tạo của Trường hiện nay là 4.795 SV hệ chính quy, 8.860 học viên hệ liên thông, vừa học vừa làm tại 30 cơ sở liên kết đào tạo.

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŪ GIẢNG VIÊN VÀ GIÁO VIÊN 2017 - 2021



Trong hoạt động khoa học và công nghệ, Trường đã gặt hái nhiều thành tích nổi bật. Trong năm 2021, Trường triển khai thực hiện 2 đề tài của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia- Nafosted, 14 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, 101 đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở của giảng viên, 45 đề tài của sinh viên và công bố 74 bài báo trên các Tạp chí khoa học thuộc chi mục WoS/Scopus.





Về hợp tác quốc tế, Trường luôn quan tâm thiết lập và phát triển hợp tác quốc tế với nhiều trường đại học, tổ chức giáo dục và xã hội trong khu vực và thế giới. Trường đã tham gia vào mạng lưới thực tập quốc tế SEA-Teacher (SEAMEO) > Năm 2021, Trường DHDT kí kết thêm 08 bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học tại Đài Loan, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan và các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, nâng tổng số văn bản thỏa thuận hợp tác giữa Trường với nước ngoài còn hiệu lực là 29 văn bản.

Với sự nỗ lực không ngừng, Trường DHDT đã gặt hái nhiều thành tích đáng tự hào, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1997), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2003), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2009) và nhiều Bằng khen của BGDD&ĐT và của tỉnh Đồng Tháp. Nhà trường cũng đã hoàn thành việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được Trung tâm Chứng nhận phù hợp - QUACERT cấp chứng nhận. Ngày 8/9/2017 Nhà trường đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - DH Quốc gia Hà Nội công bố quyết định số 128/QĐ-KDCL về việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường DHDT với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%. Từ năm 2019 đến 2022, Trung tâm KDCL Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đã công bố 10 Quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho 10 CTĐT trình độ đại học: ngành Sư phạm Toán học, Hóa học, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Khoa học Môi trường, Sư phạm Ngữ Văn, Giáo dục Thể chất, Quản trị kinh doanh, và Giáo dục Chính trị đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu từ 88%

trở lên. Đây là bằng chứng khẳng định cho sự phát triển và không ngừng vươn lên của Trường DHD.T.

2. *Sứ mạng, tầm nhìn*

a) *Sứ mạng*: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b) *Tầm nhìn*: Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

c) *Triết lý giáo dục*: Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ SINH HỌC

1. Phù hợp nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ sinh học đáp ứng yêu cầu xã hội hiện nay.

Hiện nay, nguồn nhân lực có trình độ cao về sinh học có thể đảm nhận nhiều vị trí việc làm khác nhau tại các cơ sở nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ quan làm việc ở các lĩnh vực khác nhau liên quan đến sinh học. Lĩnh vực sinh học với kiến thức chuyên sâu về khoa học sự sống, hiểu biết rõ các cơ chế sinh học và quy trình công nghệ giúp người học thích ứng với nhiều lĩnh vực khác như: sinh học ứng dụng, công nghệ thực phẩm, y - dược, thú y, chăn nuôi, trồng trọt. Trên cơ sở đó, có thể phát triển tạo ra các sản phẩm sinh học thương mại phục vụ nhu cầu xã hội.

Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người khá cao so với mặt bằng chung của cả nước. Về văn hóa, giáo dục và y tế có những bước tiến rất đáng kể trong những năm gần đây. Kết quả thống kê cho thấy, toàn khu vực có khoảng 1.396 trường trung học cơ sở, 355 trường trung học phổ thông, 70 trường phổ thông cơ sở, 107 trường trung học, 117 trường tâm giáo dục thường xuyên (11 trung tâm cấp tỉnh, 106 trung tâm cấp huyện), và hệ thống các trường đại học (15 trường), cao đẳng (26 trường), trung cấp chuyên nghiệp (30 trường). Tổng số giáo viên, giảng viên dạy tiếng Sinh học, khoa học tự nhiên và các môn liên quan đến sinh học như công nghệ ở các trường trong khu vực chiếm số lượng khá lớn, đang có nhu cầu học tập để khẳng định bản thân và nâng cao trình độ. Ngoài ra, mỗi năm có khoảng 200 sinh viên sư phạm Sinh học và các chuyên ngành gần với chuyên ngành sinh học ở vùng ĐBSCL tốt nghiệp ra trường. Hơn 20% trong số đó có nhu cầu học tiếp cao học ngay sau khi tốt nghiệp để tăng thêm cơ hội tìm kiếm việc làm cũng như nâng cao trình độ và cơ hội phát triển sau này.

Ti lệ giáo viên có trình độ thạc sĩ liên quan chuyên ngành Sinh học ở khu vực DBSCL còn thấp. Theo quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng DBSCL giai đoạn 2011-2015, nâng cấp và thành lập mới từ 10 đến 12 trường đại học, 11 trường cao đẳng. Phát triển đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất để đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và điều kiện thành lập trường theo quy định.

Nhu cầu học tập để lấy bằng thạc sĩ của giáo viên rất lớn, trong đó có nhóm giáo viên có chuyên môn liên quan đến sinh học, trong khi đó việc sắp xếp thời gian để học đối với các giáo viên, cán bộ đang gặp nhiều khó khăn. Việc cho phép Trường DHDĐT đào tạo thạc sĩ Sinh học sẽ tạo điều kiện thuận lợi để người học bỏ trí thời gian, tiết kiệm được chi phí đi lại đồng thời gắn với thực tiễn địa phương là hết sức cần thiết. Phù hợp với mục tiêu quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của từng địa phương, đưa giáo dục vùng DBSCL ngang bằng với trình độ chung của cả nước, xứng tầm với tiềm năng và thế mạnh của vùng DBSCL.

Ở khu vực DBSCL, hiện tại chỉ có 01 cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ liên quan đến chuyên ngành sinh học như ngành sinh thái học, ngành công nghệ sinh học ở Đại học Cần Thơ. Hiện nay ở khu vực DBSCL chưa có đào tạo chuyên ngành thạc sĩ Sinh học, nên với điều kiện trang thiết bị cơ sở vật chất cũng như nguồn nhân lực, chúng tôi nhận thấy rằng chuyên ngành Sinh học của Trường DH Đồng Tháp nếu được cho phép đào tạo sẽ mang lại những nét rất đặc trưng nhưng không kém phần hiện đại cũng như hội nhập quốc tế, phù hợp với thực tiễn của khu vực DBSCL.

Để có cơ sở thành lập đề án mở ngành thạc sĩ Sinh học, Khoa đã tiến hành một nghiên cứu nhằm khảo sát nhu cầu của người học và nhu cầu nhà tuyển dụng lao động về mở ngành thạc sĩ Sinh học. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn gần 100 đối tượng, gồm nhà tuyển dụng về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ, và đối tượng người học có nhu cầu học lấy bằng thạc sĩ sinh học trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát đối với người học về mức độ cần thiết cũng như khả năng tìm việc làm, khả năng học nâng cao sau tốt nghiệp, kết quả khảo sát cụ thể cho thấy có đến 60.9% kết quả khảo sát cho thấy người tốt nghiệp đại học có chuyên môn sinh học và chuyên ngành gần liên quan sinh học có nhu cầu tham gia học lên bậc Thạc sĩ chuyên ngành Sinh học. Về khảo sát thời gian tham gia học chương trình thi đa số chọn học vào ngày thứ 7 và chủ nhật để đáp ứng thời gian làm việc trong tuần của công việc hiện có.

Đối với nhóm đại diện cho nhà tuyển dụng lao động thì 70.6% người phỏng vấn

có nhu cầu tuyển dụng nhân sự có nhu cầu tuyển dụng thêm cán bộ, nhân viên, giáo viên được đào tạo chuyên ngành Sinh học. Và 88.2% người phỏng vấn có nhu cầu đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Sinh học cho cán bộ, nhân viên, và giáo viên của đơn vị mình đang quản lý.

Ngoài ra còn một số ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo, đặc biệt về khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm theo hướng ứng dụng của học viên sau tốt nghiệp, khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn có trình độ tiến sĩ chuyên ngành Sinh học, Động vật học, Thực vật học; một số ý kiến khác đề cập đến vấn đề chương trình học phải chú trọng thực hành, sát thực tế, cơ sở lý thuyết chắc chắn phải được đảm bảo. Trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu, nên chú trọng việc phân bố thời gian hợp lý để học viên có thời gian nghiên cứu ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn kết hợp với việc khảo sát nguồn nhân lực của một số địa phương ở tỉnh Đồng Tháp và ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện vẫn đang còn thiếu các cán bộ khoa học có trình độ thạc sĩ để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu về sinh học, nghiên cứu ứng dụng của sinh học trong cuộc sống và thực tiễn sản xuất. Bên cạnh đó xét về năng lực đào tạo cũng như điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường đã đảm bảo đầy đủ để phục vụ cho công tác đào tạo các nhà khoa học có trình độ thạc sĩ Sinh học. Trên cơ sở pháp lý, chúng tôi nhận thấy cơ sở đào tạo Đại học Đồng Tháp mà trực tiếp là Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên đã có đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong công tác đào tạo.

Việc cho phép Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo chuyên ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ là phù hợp với nhu cầu của người học trong và ngoài khu vực, đáp ứng được sự thiếu hụt giáo viên trình độ cao, cán bộ của địa phương và xã hội, phù hợp với đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo kết luận của Hội nghị lần thứ 6, BCH Trung ương Đảng khóa XI.

2. Phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Đồng Tháp.

Việc mở ngành Sinh học trình độ thạc sĩ hoàn toàn phù hợp với sứ mạng của trường ĐH Đồng Tháp là: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, nòng cốt là đào tạo giáo viên là góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Việc mở ngành cũng góp phần hiện thực hóa tầm nhìn của Nhà trường trong tiến trình phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Ngoài ra, đây còn là cơ hội để đội ngũ giảng viên Trường DHDT phát triển năng lực chuyên môn, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, sử dụng hiệu quả

các thiết bị hiện đại của Nhà trường. Liên kết đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học, trong khu vực DBSCL để cùng làm việc trong môi trường học thuật cao. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương (Hội nghị TW 8, khóa XI).

PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG THÁP

I. KHAI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các ngành, quy mô và hình thức đang đào tạo

- Đào tạo trình độ Đại học:

STT	Chính quy	STT	Liên thông
1	Giáo dục Tiểu học	1	Giáo dục Tiểu học
2	Giáo dục Mầm non	2	Giáo dục Mầm non
3	Giáo dục Thể chất	3	Giáo dục Thể chất
4	Sư phạm tiếng Anh	4	Sư phạm tiếng Anh
5	Ngôn Ngữ Anh	5	Ngôn Ngữ Anh
6	Ngôn ngữ Trung Quốc	6	Ngôn ngữ Trung Quốc
7	Quản trị kinh doanh	7	Quản trị kinh doanh
8	Tài chính – Ngân hàng	8	Tài chính – Ngân hàng
9	Kế toán	9	Kế toán
10	Khoa học môi trường	10	Khoa học môi trường
11	Quản lý đất đai	11	Quản lý đất đai
12	Nuôi trồng thủy sản	12	Nuôi trồng thủy sản
13	Nông học	13	Nông học
14	Sư phạm Vật lý	14	Sư phạm Vật lý
15	Sư phạm Hóa học	15	Sư phạm Hóa học
16	Sư phạm Sinh học	16	Sư phạm Sinh học
17	Sư phạm Công nghệ	17	Sư phạm Công nghệ

STT	Chính quy	STT	Liên thông
18	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	18	Giáo dục Chính trị
19	Giáo dục Chính trị	19	Sư phạm Lịch sử
20	Sư phạm Lịch sử	20	Sư phạm Địa lý
21	Sư phạm Địa lý	21	Sư phạm Âm nhạc
22	Sư phạm Lịch sử và Đại lý	22	Sư phạm Mỹ thuật
23	Sư phạm Âm nhạc	23	Sư phạm Ngữ văn
24	Sư phạm Mỹ thuật	24	Sư phạm Tin học
25	Sư phạm Ngữ văn	25	Sư phạm Toán học
26	Sư phạm Tin học	26	Khoa học máy tính
27	Sư phạm Toán học	27	Việt Nam học
28	Khoa học máy tính	28	Quản lý văn hóa
29	Việt Nam học	29	Công tác xã hội
30	Quản lý văn hóa	30	Sư phạm Khoa học tự nhiên
31	Công tác xã hội	31	Sư phạm Lịch sử và Địa lí
32	Tâm lý học giáo dục	34	Luật
33	Địa lý học	35	Công nghệ sinh học
36	Công nghệ thông tin	37	Quản lý tài nguyên và môi trường

- Đào tạo trình độ sau đại học:

+ Tiến sĩ: Quản lý giáo dục

+ Thạc sĩ 11 ngành đào tạo gồm:

STT	Thạc sĩ	STT	Thạc sĩ
1	Giáo dục Tiểu học	7	Quản lý kinh tế
2	Hóa lý thuyết và hóa lý	8	Khoa học môi trường

3	Quản lý giáo dục	9	Khoa học máy tính
4	Lịch sử Việt Nam	10	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
5	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	11	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
6	Ngôn ngữ Việt Nam		

(Nguồn từ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2023)

Quy mô đào tạo

a) Quy mô đào tạo trình độ Đại học

Trường hiện có 37 ngành đào tạo trình độ đại học với quy mô đào tạo hiện nay là 6.481 sinh viên và 8.000 học viên hệ liên thông, vừa học vừa làm tại 33 cơ sở liên kết đào tạo thuộc các tỉnh trong và ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Quy mô đào tạo trình độ sau đại học

Trường hiện có 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và 11 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Hiện trường đang đào tạo 23 nghiên cứu sinh, 571 học cao học.

2. Kết quả đào tạo ngành Sư phạm Sinh học trình độ đại học

Năm 2004, trường DHDТ tuyển sinh ngành Sư phạm Sinh học trình độ đại học khóa đầu tiên. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Sinh học tương đối hiện đại, gắn liền li thuyết với thực hành, được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với mục tiêu ghi trong Luật giáo dục, đáp ứng được nhu cầu sử dụng giáo viên trung học phổ thông của địa phương và xã hội.

Hiện tại, bộ môn Sư phạm Sinh học đang quản lý 12 lớp đại học hệ chính quy và đại học hệ liên thông, tổng cộng có gần 500 sinh viên và học viên. Các khóa tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước cơ bản đã có việc làm ổn định, phần lớn là giảng dạy tại các trường trung học phổ thông khu vực DBSCL, trong đó một số cựu sinh viên đã và đang học cao học ở các cơ sở đào tạo như Đại học Cần Thơ, và các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều cựu sinh viên ngành Sư phạm Sinh học tốt nghiệp tại Trường DHDТ đạt giải cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp hay kì thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, thành phố, tỉnh ở khu vực DBSCL.

3. Giới thiệu về Khoa Sư phạm Khoa học Tự Nhiên

Hiện nay, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên của Trường Đại học Đồng Tháp có 31 giảng viên cơ hữu gồm: 04 PGS.TS, 10 Tiến sĩ, 18 Thạc sĩ, công tác tại 3 bộ môn

gồm Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học và Sư phạm Sinh học. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu để tổ chức đào tạo ngành Sinh học trình độ thạc sĩ.

Cùng với sự phát triển chung của Nhà trường, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên là một trong những khoa nòng cốt. Cùng với đội ngũ giảng viên có đủ trình độ chuyên môn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế. Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên được Nhà trường phân công đào tạo 4 ngành sư phạm trình độ đại học gồm Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Công nghệ. Quy mô đào tạo của Khoa hiện nay (tính đến tháng 5/2021) có 1018 sinh viên chính quy và không chính quy.

II. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỀ MỞ NGÀNH

1. Chương trình đào tạo

1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Sinh học

Tiếng Anh: Biology

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Đề án được xây dựng trên các cơ sở pháp lý sau:

- Chi thị 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa IX về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD đã nêu rõ: “Mục tiêu là xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD được chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Khẩn trương đào tạo, bổ sung và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ QLGD trong các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học”;

- Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học; Điều 9 quy định “Trường Đại học được mở các ngành đào tạo trình độ đại học, ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (gọi chung là mở ngành đào tạo) đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều lệ này”;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của BCH TW (Hội nghị TW 8, khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Quyết định số 187/QĐ-DHDT ngày 21/02/2020 của Hiệu trưởng Trường DHDT ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường DHDT ;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nghị quyết số 76/NQ-HDT ngày 21/06/2022 của Hội đồng trường Trường DHDT về chủ trương mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Sinh học;

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Sinh học, trường DHDT; khung Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Sinh học và khung chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Sinh học của Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Khoa học Huế, và các chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành động vật học, thực vật học học, sinh học thực nghiệm, sinh thái học, sinh lý thực vật của một số trường đại học khác trong nước.

1.3. Mô tả tóm tắt chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung:

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Sinh học có phẩm chất đạo đức tốt; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực chuyên sâu về lĩnh vực sinh học; có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và lĩnh vực giáo dục Sinh học nói riêng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

- a) Trang bị cho người học hệ thống và cơ bản các kiến thức sinh học hiện đại để có thể làm công tác giảng dạy hoặc các công việc liên quan sinh học
- b) Phát triển cho người học các năng lực nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực sinh học và kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Sinh học ở Trường phổ thông.
- c) Trang bị cho người học kỹ năng phối hợp nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và thành thạo các phương pháp nghiên cứu thường quy và có khả năng tiếp cận các phương pháp hiện đại trong nghiên cứu sinh học để áp dụng trong các lĩnh vực công tác mà mình đảm nhận.
- d) Người học sau khi tốt nghiệp hoàn thành tốt các công việc được giao đồng thời thích ứng được với các công việc mới trong các lĩnh vực liên quan đến sinh học. Có ý thức tự chủ và trách nhiệm trong công việc và trong cuộc sống như sự tôn trọng, hợp tác, sáng tạo trong công việc và trong hoạt động tập thể; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; Không ngừng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn cho sự tiến bộ của tập thể và bản thân, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

1.3.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo này, người học/học viên cần đạt được:

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs – Program Learning Outcomes)		Mức độ năng lực
1. Kiến thức		
1.1. Vận dụng kiến thức liên ngành trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Sinh học.		4/6
1.2. Vận dụng kiến thức Sinh học trong hoạt động chuyên môn ở trường THPT.		4/6

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs – Program Learning Outcomes)		Mức độ năng lực
1.3. Tổng hợp và phân tích dữ liệu thông tin trong lĩnh vực Sinh học một cách khoa học.		5/6
2. Kỹ năng		
2.1. Lập kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới khoa học trong lĩnh vực Sinh học.		4/5
2.2. Vận dụng chuẩn xác các kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng, tự đánh giá nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.		4/5
2.3. Sử dụng thành thạo các phương tiện, đặc biệt là công nghệ thông tin, phần mềm để ứng dụng vào hoạt động dạy học Sinh học.		4/5
3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
3.1. Có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong các hoạt động xã hội. Thực hiện gương mẫu về nội quy của đơn vị công tác, và pháp luật của Nhà nước, về đạo đức nghề nghiệp.		4/5
3.2. Tuân thủ đạo đức trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực Sinh học		4/5
3.3. Tôn trọng, hợp tác, sáng tạo trong công việc và trong hoạt động tập thể. Thể hiện khả năng tự định hướng và hướng dẫn người khác trong chuyên môn.		5/5

1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: Bắt buộc: 09 tín chỉ;
 Tự chọn: 00 tín chỉ.
- Kiến thức cơ sở ngành: Bắt buộc: 10 tín chỉ;
 Tự chọn: 06 tín chỉ.
- Kiến thức chuyên ngành: Bắt buộc: 12 tín chỉ;
 Tự chọn: 08 tín chỉ.
- Thực hành, thực tế: Bắt buộc: 06 tín chỉ;
 Tự chọn: 00 tín chỉ.

- Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ:

09 tín chỉ.

Nét đặc trưng của chương trình Sinh học là các học phần cập nhận kiến thức mới, hiện đại đáp ứng yêu cầu của người giáo viên hiện đại. Trong những môn học phân lý thuyết gắn liền với phần thực hành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành cho người học. Những học phần tự chọn đa dạng làm tăng độ linh hoạt và mềm dẻo của chương trình, phù hợp với nhiều đối tượng, nhu cầu và năng lực khác nhau.

2. Kế hoạch đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Kế hoạch tuyển sinh

- Chi tiêu: 10-25 học viên/khóa.

2.1.2. Phương thức, phạm vi tuyển sinh

- Thi tuyển hoặc/và xét tuyển: Hiệu trưởng Trường DHDT quyết định việc thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển, xét tuyển và hình thức thi tuyển theo từng đợt tuyển sinh. (Thông tin về tuyển sinh, thi tuyển, xét tuyển, môn thi tuyển có trong Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của Trường DHDT, công khai trên website của Trường và đơn vị liên quan).

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước và nước ngoài (nếu có).

2.1.3. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-DHDT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường DHDT, cụ thể:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

b) Chuẩn đầu vào ngoại ngữ:

Ứng viên đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Đối với ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ các mục trên, Trường DHDĐT tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt.

c) Ứng viên tốt nghiệp ngành chưa phù hợp, phải hoàn tất việc chuyển đổi, bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển hoặc/và xét tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường DHDĐT.

2.2. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

- Khung kế hoạch đào tạo chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiền độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung							
1	GP.N.801	Triết học	3	45	0	105	1
2	GEP.801	Ngoại ngữ	6	90	0	210	1
II. Kiến thức cơ sở ngành							
<i>1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>							
3	BIO.801	Sinh học tế bào chuyên sâu	2	22	18	60	1
4	BIO.802	Sinh học cơ thể thực vật	3	45	0	105	1
5	BIO.803	Sinh học cơ thể động vật	3	20	40	90	2
6	BIO.804	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong sinh học	2	30	0	70	2
<i>2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i>							
7	BIO.805	Tập tính học nâng cao	2	22	18	60	2
8	BIO.806	Di truyền học hiện đại	2	22	18	60	2
9	BIO.807	Công nghệ sinh học hiện đại	2	22	18	60	2

10	BIO.808	Môi trường và phát triển bền vững	2	22	18	60	2
11	BIO.809	Nguyên tắc phân loại động thực vật	2	22	18	60	2
12	BIO.810	Điều tra và giám sát đa dạng sinh học	2	22	18	60	2
13	BIO.811	Hệ sinh thái đất ngập nước	2	22	18	60	2
III. Kiến thức chuyên ngành			20				
<i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			<i>12</i>				
14	BIO.812	Sinh học sinh sản người và động vật	3	45	0	105	2
15	BIO.813	Con người và sức khỏe	3	45	0	105	2
16	BIO.814	Sinh lý thực vật ứng dụng	3	45	0	105	3
17	BIO.815	Sinh thái học ứng dụng	3	30	30	90	3
<i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>			<i>8</i>				
18	BIO.816	Công nghệ sau thu hoạch	3	45	0	105	3
19	BIO.817	Giải phẫu so sánh động vật nâng cao	3	20	40	90	3
20	BIO.818	Vị sinh vật chuyên sâu	3	30	30	90	3
21	BIO.819	Tính chống chịu của thực vật	2	30	0	70	3
22	BIO.820	Côn trùng học ứng dụng	2	30	0	70	3
23	BIO.821	Xử lý ra hoa cây ăn trái	2	30	0	70	3
24	BIO.822	Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	2	30	0	70	3
25	BIO.823	Động vật hại cây trồng và nông sản	2	30	0	70	3
IV. Thực tập			6				

26	BIO.824	Thực tập 1	3	0	60	90	4
27	BIO.825	Thực tập 2	3	0	45	105	4
V. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ			9				4
	BIO.800	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ	9				4
Tổng số tín chỉ tích lũy			60				

III. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

1. Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Hiện nay, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên của Trường Đại học Đồng Tháp có 31 giảng viên cơ hữu gồm: 04 PGS.TS, 10 Tiến sĩ, 18 Thạc sĩ, công tác tại 3 bộ môn gồm Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học và Sư phạm Sinh học. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu để tổ chức đào tạo ngành Sinh học trình độ thạc sĩ.

Cùng với sự phát triển chung của Nhà trường, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên là một trong những khoa nòng cốt. Cùng với đội ngũ giảng viên có đủ trình độ chuyên môn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế. Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên được Nhà trường phân công đào tạo 4 ngành sư phạm trình độ đại học gồm Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Công nghệ. Quy mô đào tạo của Khoa hiện nay (tính đến tháng 5/2021) có 1018 sinh viên chính quy và không chính quy.

Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành
1	Hà Danh Đức 1977, Giảng viên	Phó Giáo sư, 2021	TS, Thái Lan, 2017	Sinh học
2	Lư Ngọc Trâm Anh		TS, Việt	Sinh học

	1986, Giảng viên		Nam, 2021	
3	Nguyễn Thị Oanh 1982, Giảng viên		TS, Việt Nam, 2020	Sinh học
4	Hoàng Thị Nghiệp 1980, Trưởng bộ môn		TS, Việt Nam, 2012	Sinh học
5	Đỗ Thị Như Uyên 1982, Giảng viên		TS, Việt Nam, 2015	Sinh học
6	Nguyễn Kim Búp 1980, Giảng viên		TS, Việt Nam, 2018	Sinh lý thực vật
7	Lê Thị Thanh 1983, Giảng viên		TS, Việt Nam, 2018	Động vật học
8	Trần Đức Tường 1971, Giảng viên		TS, Việt Nam, 2022	Công nghệ sinh học
9	Nguyễn Thị Kim Xuân 1978, Giảng viên		TS, Thái Lan, 2017	Quản lý môi trường

Danh sách giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành ngành Sinh học trình độ thạc sĩ

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học phần giảng dạy
1	Hà Danh Đức 1977, Giảng viên	Sinh học tế bào chuyên sâu Di truyền học hiện đại Vi sinh vật chuyên sâu Côn trùng học ứng dụng Công nghệ nấm ăn và nấm được liệu Động vật hại cây trồng và nông sản
2	Lư Ngọc Trâm Anh 1986, Giảng viên	Môi trường và phát triển bền vững Điều tra và giám sát đa dạng sinh học Hệ sinh thái đất ngập nước Sinh lý thực vật ứng dụng Sinh thái học ứng dụng Tính chống chịu của thực vật Thực tập 1
3	Nguyễn Thị Oanh 1982, Giảng viên	Con người và sức khỏe Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Sinh học sinh sản người và động vật Công nghệ sau thu hoạch Côn trùng học ứng dụng Động vật hại cây trồng và nông sản

4	Hoàng Thị Nghiệp 1980, Trưởng bộ môn			Phương pháp nghiên cứu khoa học trong sinh học Điều tra và giám sát đa dạng sinh học Sinh học sinh sản người và động vật Tập tính học nâng cao Thực tập 1 Thực tập 2
5	Đỗ Thị Như Uyên 1982, Giảng viên			Sinh học cơ thể động vật Tập tính học nâng cao Giải phẫu so sánh động vật nâng cao
6	Nguyễn Kim Búp 1980, Giảng viên			Sinh học tế bào chuyên sâu Sinh học cơ thể thực vật Hệ sinh thái đất ngập nước Sinh lý thực vật ứng dụng Sinh thái học ứng dụng Xử lý ra hoa cây ăn trái Tình chống chịu của thực vật Thực tập 2
7	Lê Thị Thanh 1983, Giảng viên			Sinh học cơ thể động vật Di truyền học hiện đại Nguyên tắc phân loại động thực vật Giải phẫu so sánh động vật nâng cao
8	Trần Đức Tường 1971, Giảng viên			Sinh học cơ thể thực vật Công nghệ sinh học hiện đại Nguyên tắc phân loại động thực vật Công nghệ sau thu hoạch Vi sinh vật chuyên sâu Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu
9	Nguyễn Thị Kim Xuân 1978, Giảng viên			Công nghệ sinh học hiện đại Môi trường và phát triển bền vững Xử lý ra hoa cây ăn trái

Danh sách giảng viên thỉnh giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Sinh học trình độ thạc sĩ

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành	Tham gia giảng dạy học phần
1	Nguyễn Thị Kim Xuân 1978, Giảng viên		TS, Thái Lan, 2017	Quản lý môi trường	Vi sinh vật chuyên sâu Môi trường và phát triển bền vững

Ngoài ra Trường DHDT còn có các giảng viên là tiến sĩ Triết học, Tiếng Anh

đảm nhận các môn chung trong chương trình đào tạo.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường còn mời các giảng viên có uy tín và kinh nghiệm ở ngoài trường tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn.

2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Nhà trường luôn chú trọng và tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên, cán bộ quản lý trong khoa và bộ môn Sinh học được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo. Nhà trường luôn có chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho cán bộ giảng viên có trình độ Tiến sĩ phấn đấu đạt tiêu chuẩn phong học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư để đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo khi quy mô đào tạo tăng lên. Bên cạnh đó, về kế hoạch ngắn và trung hạn, tổ bộ môn đã xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Về kế hoạch dài hạn, bộ môn, khoa và nhà trường có kế hoạch đưa cán bộ giảng viên đang thuộc biên chế nhà trường được đi học tập nâng cao trình độ, đủ điều kiện để tham gia giảng dạy khi có yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo.

2.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo:

Nhà trường và đơn vị chuyên môn luôn có kế hoạch theo năm và theo giai đoạn 5 năm về vấn đề tăng cường cơ sở vật chất. Hiện tại, nhà trường đã có kế hoạch xây dựng mới phòng thí nghiệm thuộc chuyên môn sinh học nhằm phục vụ cho đề án đào tạo Thạc sĩ ngành Sinh học. Bên cạnh đó, nhà trường luôn chú trọng trang bị, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng thí nghiệm hiện tại, để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên của đơn vị, cũng như phục vụ công tác đào tạo trình độ Thạc sĩ.

2.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ giảng viên của đơn vị luôn chú trọng việc hợp tác với các đồng nghiệp quốc tế trong vấn đề nghiên cứu khoa học nhằm tạo sự kết nối quốc tế và nâng cao chất lượng các công trình khoa học. Điển hình giảng viên trong bộ môn có mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan đến khoa học sự sống như sinh học, công nghệ sinh học, sinh học ứng dụng, khoa học nông nghiệp... Trong thời gian tới, đội ngũ giảng viên của đơn vị có kế hoạch tiếp tục giữ mối liên kết hiện có và tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà khoa học khác trong nước và trên thế giới.

Hàng năm đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Sư phạm Sinh học luôn có kế hoạch tổ chức hội thảo và nghiên cứu khoa học cấp khoa, hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên luôn có kế hoạch tham dự các hội nghị hội thảo trong nước và quốc tế nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tạo sự kết nối với cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ TỒ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Trường Đại học Đồng Tháp giao Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên làm đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ, các khoa, phòng, ban, trung tâm tham gia đào tạo, hỗ trợ đào tạo theo phân cấp quản lý của Nhà trường. Cơ cấu tổ chức của Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên gồm Hội đồng khoa và 03 Bộ môn (Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý và Sư phạm Sinh học). Bộ môn Sư phạm Sinh học là đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm trực tiếp vận hành tổ chức đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ. Cơ cấu nhân sự Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên gồm 31 viên chức: TS. Bùi Văn Thắng (phó trưởng khoa phụ trách), PSG.TS Huỳnh Vĩnh Phúc (phó trưởng khoa), 03 trưởng bộ môn (TS. Bùi Thị Minh Nguyệt, TS. Hà Thanh Tùng, TS. Hoàng Thị Nghiệp) và 26 viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức và theo ngạch viên chức trong đơn vị. Như vậy, có thể khẳng định tổ chức bộ máy quản lý Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở ngành đào tạo Sinh học trình độ thạc sĩ.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

Ngoài cơ sở vật chất chung như thống kê *(phụ lục 06 và 08 kèm theo Đề án)*, học viên ngành sinh học trình độ thạc sĩ còn được học tập, nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp tại phòng thực hành thí nghiệm thuộc trung tâm thực hành hành thí nghiệm của trường Đại học Đồng Tháp và thực tập ở các công ty nhà máy với nhiều trang thiết bị hiện đại. Ngoài ra, học viên ngành Sinh học còn có thể sử dụng Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng với nhiều giáo trình, sách tham khảo và chuyên khảo để học tập và nghiên cứu *(phụ lục 07 kèm theo Đề án)*.

Bên cạnh đó, để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên, cán bộ khoa học và học viên ngành sinh học trình độ thạc sĩ, Trường

Đại học Đồng Tháp xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình trang bị cơ sở vật chất như sau:

Bảng 5. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

TT	Danh mục Cơ sở vật chất	Số lượng	Lộ trình	Đơn vị thực hiện
1	Xây dựng mới 1 phòng thí nghiệm Dạy học Công nghệ sinh học.	01 phòng thí nghiệm	2023	Phòng Thiết bị và Xây dựng cơ bản
2	Bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học ngành Công nghệ sinh học	Theo Đề cương chi tiết học phần	2023	Trung tâm Học liệu Lê Văn Hùng Khoa SP Khoa học tự nhiên
3	Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo	Mua sắm thường xuyên	Thường xuyên	Trung tâm Học liệu Lê Văn Hùng Khoa SP Khoa học tự nhiên

- Hệ thống đường truyền Internet với băng thông rộng được kết nối với gần 1.000 máy tính tại các phòng máy. Hệ thống mạng không dây cơ bản đã phủ khắp khuôn viên trường ĐHDT. Hệ thống phòng học gắn điều hòa nhiệt độ, màn hình led kích thước lớn (hoặc máy chiếu), hệ thống dạy học trực tuyến bảo đảm kết nối liên tục, thông suốt, hệ thống wifi phục vụ khai thác học liệu mọi lúc, mọi nơi.

Người học được cung cấp thẻ (tài khoản) để sử dụng tài liệu, tư liệu trong suốt quá trình học, đặc biệt là khai thác tài nguyên học liệu số kết nối với nhiều trung tâm học liệu của cả nước và quốc tế. Khai thác sách, tạp chí khoa học, tài liệu tham khảo thông qua tài khoản db.vista.gov.vn của Trung tâm KH&CN Quốc gia.

Cảnh quan xanh sạch, đẹp, hệ thống wifi phủ sóng toàn khuôn viên, an ninh tốt, giáo dục thông thuận lợi. Khu ký túc xá trên 2.000 chỗ cho sinh viên, học viên.

(Xem phụ lục theo mẫu 6,7,8-TT02)

VI. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Trong quá trình phát triển, đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành Sư phạm Sinh học luôn kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn. Tổng hợp các công trình nghiên cứu của đội ngũ giảng viên từ năm 2015 như sau:

STT	Hoạt động khoa học	2015 - 2018	2019 -2022	Cộng
1	Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh	3	7	10
2	Đề tài cấp Cơ sở	12	17	29
3	Bài báo trong nước	60	32	92
4	Bài báo quốc tế ISI	4	22	26

- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và dự kiến người hướng dẫn kèm theo.

STT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn
1	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của côn trùng bao gồm côn trùng gây hại và thiên địch của côn trùng (côn trùng ký sinh, bắt mồi, ...).	Nguyễn Thị Oanh Hà Danh Đức
2	Nghiên cứu Côn trùng học: thành phần loài, sinh học, sinh thái của côn trùng...	Nguyễn Thị Oanh Hà Danh Đức
3	Nghiên cứu và phát triển Công nghệ Sinh học (công nghệ vi sinh, nấm)	Hà Danh Đức Trần Đức Tường
4	Nghiên cứu và phát triển nguồn Gen (cây dược liệu, cây thực phẩm)	Hà Danh Đức Trần Đức Tường Nguyễn Thị Oanh
5	Nghiên cứu và phát triển Công nghệ bảo quản, chế biến nông hải sản. Nghiên cứu và phát triển Sinh học ứng dụng	Trần Đức Tường Nguyễn Thị Oanh
6	Nghiên cứu sự hình thành, tăng trưởng và phát triển trái ở thực vật	Nguyễn Kim Búp Nguyễn Thị Oanh Trần Đức Tường

7	Nghiên cứu mối quan hệ giữa dinh dưỡng và sự tăng trưởng, phát triển của thực vật với năng suất và phẩm chất cây trồng: dinh dưỡng khoáng và thủy canh, quang hợp và năng suất cây trồng, hô hấp và bảo quản nông sản...	Nguyễn Kim Búp Trần Đức Tường Lư Ngọc Trâm Anh
8	Nghiên cứu sinh lý tế bào thực vật: ứng dụng nuôi cấy mô tế bào thực vật trong nhân giống hoặc thu các hợp chất thứ cấp.	Nguyễn Kim Búp Hà Danh Đức Trần Đức Tường
9	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài sinh học, đặc điểm sinh thái và tập tính của động vật	Lê Thị Thanh Đỗ Thị Như Uyên Nguyễn Thị Oanh Hoàng Thị Nghiệp
10	Nghiên cứu phòng trừ bệnh và nhân nuôi động vật	Lê Thị Thanh Đỗ Thị Như Uyên Hoàng Thị Nghiệp
11	Nghiên cứu mối quan hệ giữa động vật và cây trồng trong bảo vệ thực vật	Nguyễn Thị Oanh Trần Đức Tường Lê Thị Thanh
12	Nghiên cứu bảo tồn động vật, quy hoạch và thành lập khu du lịch sinh thái, khu bảo tồn thiên nhiên	Lê Thị Thanh Đỗ Thị Như Uyên Lư Ngọc Trâm Anh
13	Nghiên cứu đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái	Lư Ngọc Trâm Anh Hoàng Thị Nghiệp Đỗ Thị Như Uyên
14	Nghiên cứu đặc điểm môi trường của các hệ sinh thái	Lư Ngọc Trâm Anh Trần Thị Kim Xuân
16	Khả năng hấp thụ carbon của thực vật và môi trường đất. Chỉ trả dịch vụ môi trường của hệ sinh thái	Lư Ngọc Trâm Anh Trần Đức Tường Trần Thị Kim Xuân
16	Vị sinh vật xử lý ô nhiễm môi trường	Trần Thị Kim Xuân Trần Đức Tường

17	Giáo dục học, giáo dục bảo vệ môi trường	Trần Thị Kim Xuân Trần Đức Tường Lư Ngọc Trâm Anh
----	--	---

- Các công trình đã công bố của giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu trong 5 năm gần đây.

STT	Công trình khoa học	
1	Hà Danh Đức, Nguyễn Thị Kim Khánh, Bùi Minh Triết (2017). Ảnh hưởng của thuốc diệt cỏ đến số lượng vi khuẩn và thành phần hoá học của đất. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, Số 9(118): 89 – 93.	
2	Hà Danh Đức (2017). Khảo sát sự phân hủy aniline bởi vi khuẩn <i>Pseudomonas moraviensis</i> AN-5. Tạp chí phát triển KH&CN, ĐH Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 1(6): 32-39.	
3	Hà Danh Đức (2017). Degradation of chlorotoluenes by <i>Comamonas testosterone</i> KT5. Applied Biological Chemistry, 60(4): 457-465.	
4	Hà Danh Đức, Bùi Minh Triết (2017). Biodegradation of aniline by freely suspended and immobilized <i>Pseudomonas moraviensis</i> AN-5. Academia Journal of Biology, 3(59): 303-308.	
5	Hà Danh Đức (2017). Degradation of leaves and cellulose by <i>Bacillus subtilis</i> CL3 and <i>Pseudomonas aeruginosa</i> CL5 isolated from left waste dumps in Vietnam. Academia Journal of Biology, 39(4): 483-489.	
6	Hà Danh Đức (2018). Anaerobic degradation of 2,4-dichlorophenoxyacetic acid by <i>Thaueria</i> sp. DKT. Biodegradation, 29: 499-510.	
7	Hà Danh Đức (2020). Khảo sát sự phân hủy toluene và chlorotoluene bởi vi khuẩn <i>Comamonas testosterone</i> KT5 cố định trong alginate. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 62(6): 1-6.	
8	Dau Thi Hong Ngoc, Hà Danh Đức, Nguyen Thi Dieu Thuy (2020). Effects of environmental conditions on propanil degrading activity of <i>Acinetobacter baumannii</i> DT. Academia Journal of Biology, 42(3): 111-118.	
9	Le Diem Kieu, Phạm Quốc Nguyễn, Hà Danh Đức (2021). Treatment of wastewater from intensive striped catfish farming using <i>Hymenachne acutiligula</i> in batch surface-constructed wetland. Environment Protection Engineering, 47: 29-40.	
10	Hà Danh Đức (2022). Enhancement of carbofuran degradation by immobilized <i>Bacillus</i> sp. strain DT1. Environmental Engineering Research, 27(4): 210158. Current Microbiology.	
11	Hà Danh Đức (2022). Degradation of isoproturon in vitro by a mix of bacterial strains isolated from arable soil. Canadian journal of microbiology.	
12	Hà Danh Đức (2022). Enhanced degradation of sulfamethoxazole using immobilized biomass reactor. Environmental Engineering Research, 28(4): 220213.	
13	Nguyễn Thị Oanh, Trần Ngọc Lân, Trương Xuân Lam (2017). Dẫn liệu bước đầu về loài ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard) ngoại ký sinh sâu non một <i>Lasioderma serricorne</i> gây hại hạt đậu đỗ và thức ăn thủy sản trong kho. <i>Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 9</i> , Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2017, tr. 592-596. <i>Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 9</i> , Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2017, tr. 669-673.	
14	Nguyễn Thị Oanh, Trần Ngọc Lân, Trương Xuân Lam , 2017. Đặc điểm hình thái loài ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard) ký sinh sâu non một Cảnh cứng gây hại nông sản trong kho. <i>Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 9</i> , Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2017, tr. 933-939.	

15	Nguyen Thi Oanh, Tran Ngoc Lan, Truong Xuan Lam, 2017. Egg-lying behavior of <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard), an ectoparasitoid of <i>Lasioderma serricorne</i> (Fabricius). <i>Tap chí Sinh học</i> , 2017 , 39(4): 416-420. http://doi: 10.15625/0866-7160/v39n4.10935
16	Nguyễn Thị Oanh, Trần Ngọc Lân và Trương Xuân Lam, 2017. Đặc điểm hình thái và một số tập tính ký sinh của ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard) trên sâu non một thuốc lá <i>Lasioderma serricorne</i> (Fabricius). <i>Tap chí Báo vệ thực vật</i> , 2017 , 273(4): 6-12.
17	Nguyễn Thị Oanh, Trần Ngọc Lân, Trương Xuân Lam, 2017. Ảnh hưởng của thức ăn bổ sung đến sự sinh sản, tuổi thọ và khả năng ký sinh của ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard) ký sinh sâu non một thuốc lá. <i>Tap chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i> , 2017, 324(21): 73-76.
18	Nguyễn Thị Oanh, Phạm Văn Hiệp, Hà Danh Đức, Trần Ngọc Lân, 2016. Dẫn liệu ban đầu về thành phần loài sâu mọt hại nông sản và thiên địch của chúng trong kho tại tỉnh Đồng Tháp. <i>Tap chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i> , 2016 , 281(2): 65-71.
19	Nguyễn Thị Oanh, Hà Danh Đức, Trần Ngọc Lân và Trương Xuân Lam, 2016. Thành phần côn trùng, nhện hại nông sản và thức ăn thủy sản trong kho tại tỉnh Đồng Tháp và Bến Tre. <i>Tap chí Báo vệ thực vật</i> , 2016 , 268(5): 30-36.
20	Nguyễn Thị Oanh, Trần Ngọc Lân, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thị Thủy, Lê Thị Xuân Hương, 2016. Hiệu lực phòng trừ của một số chế phẩm bột từ cây tinh dầu đối với một thóc đỏ (<i>Tribolium castaneum</i> Herbst) và một ngô (<i>Sitophilus zeamais</i> Motschsky) gây hại nông sản bảo quản trong kho. <i>Tap chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , 2016 , 44B: 23-30.
21	Hoàng Thị Nghiệp và cộng sự (2021), “Hierarchical analysis of amphibian diversity in primary and secondary rain forests of central vietnam. Herpetological Conservation and Biology 16(1):47–62
22	Nguyễn Thị Oanh, Hoàng Thị Nghiệp (2021), “Diễn biến số lượng trường thành bọ cắt lá xoài <i>Deporaus marginatus</i> (Pascoe, 1883) tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”. <i>Tap chí Báo vệ Thực vật</i> số 2(295):28-31, 2021.
23	Chung D. Ngo, Hai P. Dang, Nghep T. Hoang , Binh V. Ngo, “Factors associated with detection probability and site occupancy of the long-tailed skink (<i>Eutropis longicaudata</i>) in the aluoi area, central vietnam”. <i>Russian Journal of Herpetology</i> . Vol. 28, No. 2, 2021, pp. 67 – 72
19	Chung D. Ngo, Phuong L. T. Le, Huy D Nguyen, Phong B. Truong, Nghep T. Hoang , Binh V. Ngo, “Diet of the bronze skink <i>eutropis macularius</i> (reptilia: squamata: scincidae) from thua thien hue province, central vietnam” <i>Russian Journal of Herpetology</i> Vol. 27, No. 4, 2020, pp. 209 -- 216.
24	Hoàng Thị Nghiệp , Đinh Minh Quang và cộng sự (2019), “Thành phần các loài cá trong kênh môi đồng tại ruộng lúa trong và ngoài bờ đê bao ở Tri Tôn, Chợ Mới và Châu Phú, Tỉnh An Giang”, <i>Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp</i> , 10/2019.
25	Hoàng Thị Nghiệp (2017), “Các mới đe dọa và giải pháp bảo tồn tài nguyên bò sát ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, <i>Tap chí Tài nguyên và Môi trường</i> , 3/2017
26	Hoàng Thị Nghiệp (2016), “Quy trình nuôi rắn ri cá”, <i>Báo cáo Khoa học Hội thảo Quốc gia về lương cư và bò sát ở Việt Nam lần thứ ba</i> . Nxb Nông nghiệp, trang 160-168, 11/2016.
27	Nguyễn Thị Oanh, 2016. Nghiên cứu thành phần loài thiên địch của sâu mọt hại nông sản và thức ăn thủy sản trong kho tại tỉnh Đồng Tháp và Bến Tre. <i>Tap chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i> (số 20(299)), tr. 57-63).
28	Nguyễn Thị Oanh, 2017. Khả năng gây hại của mọt đậu (<i>Callosobruchus maculatus</i> Fabricius) trên hạt đậu trắng và mọt ngô (<i>Sitophilus zeamais</i> Motschulsky) trên hạt ngô trong phòng thí nghiệm. <i>Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 9</i> , Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 585-591.

29	Nguyễn Thị Oanh , 2017. Một số đặc điểm sinh học của một thuộc lá <i>Lasioderma serricorne</i> (Fabricius) gây hại thực ăn cảm cá viên trong kho tại vùng Đông bằng sông Cửu Long. <i>Báo cáo Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7</i> , Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2017, tr. 1841-1846.
30	Nguyễn Thị Oanh , 2017. Khả năng kiểm soát một thuộc lá <i>Lasioderma serricorne</i> gây hại thực ăn nuôi cá của ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard). <i>Tap chí Báo vệ thực vật</i> (số 6(275)) - 2017, tr. 18-23).
31	Nguyễn Thị Oanh , 2017. Kết quả bước đầu thử nghiệm sử dụng ong ký sinh <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard) để không chế một thuộc lá gây hại thực ăn nuôi cá bảo quản trong kho. <i>Tap chí Báo vệ thực vật</i> (số 6(275)), tr. 39-44).
32	Nguyễn Thị Oanh , 2018. Dẫn liệu bước đầu về khả năng không chế một ngó <i>Stiophilus zeamais</i> Motschulsky hại đậu trắng của ong ký sinh sâu non <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard). <i>Tap chí Báo vệ thực vật</i> (số 4(279)), tr. 28-32).
33	Nguyen Thi Oanh , Khuat Dang Long, 2019. New species of the <i>Rhaconotus jacobsoni</i> group (Hymenoptera, Braconidae, Doryctinae) from Vietnam. <i>ZooKeys</i> , 853: 37-55. https://doi.org/10.3897/zookeys.853.33938 .
36	Khuat Dang Long , Nguyen Thi Oanh , Nguyen Van Dzung & Dang Thi Hoa , 2019. Two new species of the genus <i>Austeroerodichiles</i> Dangerfield, Austin & Whitfield, 1999 (Hymenoptera: Braconidae: Cardiochilinae) from Vietnam. <i>Zootaxa</i> 4657(3): 587-595. https://doi.org/10.11646/zootaxa.4657.3.11 .
37	Nguyen Thi Oanh , Nguyen Kim Bup , Khuat Dang Long, 2019. First record of <i>Anselmella malacia</i> Xiao & Huang, 2006 (Hymenoptera: Eulophidae), a new insect pest of water apple (<i>Syzygium samarangense</i>) and its associated parasitoid in Dong Thap Province, Vietnam. <i>Tap chí Sinh học</i> , 41(4): 7-14, https://doi.org/10.15625/0866-7160/v41n4.14673 .
38	Khuat Dang Long , Cornelis van Achterberg, James M. Carpenter and Nguyen Thi Oanh , 2020. Review of the genus <i>Wroughtonia</i> Cameron, 1899 (Hymenoptera, Braconidae, Helconinae), with the description of 12 new species from Vietnam. <i>American Museum Novitates</i> , No.3933, 54 pp.
39	Nguyễn Thị Oanh , Hoàng Thị Nghiêp , Hà Danh Đức, 2020. Diễn biến số lượng trưởng thành rầy hại hoa xoài <i>Idioscopus nitidulus</i> (Walker) tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. <i>Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 10</i> , Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 503-507.
40	Nguyen Thi Oanh , Ha Danh Duc, 2020. An initial investigation of pest species on Dai Loan mango planting in Cao Lanh city, Dong Thap province, Vietnam. <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , Vol. 9, No. 5: 68-76.
41	Nguyen Thi Oanh , Khuat Dang Long, Pham Quynh Mai, Nguyen Van Dzung, 2020. First record of the genus <i>Trispinaria</i> Quicke, 1986 (Hymenoptera, Braconidae, Braconinae) in Vietnam, with descriptions of two new species. <i>ZooKeys</i> , 996: 107-119, doi: 10.3897/zookeys.996.56562.
42	Nguyen Thi Oanh , Nguyen Van Dzung, Khuat Dang Long, Pham Van Lam, Pham Thi Nhi & Dang Thi Hoa, 2021. Six new braconid wasps of the genus <i>Colastomion</i> Baker, 1917 (Hymenoptera: Braconidae: Rogadinae) from Vietnam. <i>Zootaxa</i> , 5040 (2): 215-237, https://doi.org/10.11646/zootaxa.5040.2.3 .
43	Nguyen Van Dzung, Khuat Dang Long, Pham Quynh Mai, Dang Thi Hoa, Nguyen Thi Oanh , Hoang Thi Nghiêp , 2022. Four new species of the subfamily Braconinae (Hymenoptera: Braconidae) from Vietnam. <i>Zootaxa</i> , 5116 (4): 563-578, https://doi.org/10.11646/zootaxa.5116.4.5 .
63	Đỗ Thị Như Uyên (2015), Thành phần loài chim ở Khu Du lịch Sinh thái Gáo Giông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Báo cáo Khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật. Nxb Nông nghiệp

64	Đỗ Thị Như Uyên (2016), Xây dựng bộ mẫu ảnh các loài chim thuộc bộ Hạc Ciconiiformes phục vụ giảng dạy ở trường Đại học Đồng", Tạp chí Thiết bị Giáo dục
65	Đỗ Thị Như Uyên (2016), Đánh giá sự phân bố thành phần loài chim tại Vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp", Tạp chí Nông nghiệp & PTNN
66	Đỗ Thị Như Uyên (2017), Đánh giá tầm quan trọng của khu hệ chim ở VQG Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Báo cáo Khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật. Nxb Nông nghiệp
67	Trần Đức Tường và Bùi Trung Kha (2016), "Phân lập vi khuẩn phân hủy lipid từ nước thải lò giết mổ và chọt thực phẩm huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp", Tạp chí Môi trường, Chuyên đề số 1: 55-59. ISSN: 1859-042X.
68	Trần Đức Tường , Dương Xuân Chữ và Bùi Thị Minh Diệu (2017), "Hiệu quả thay thế mùn چرا cây cao su bằng cùi bắp để trồng nấm Vân Chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>), Tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Việt Nam, 85(12): 98-103. ISSN: 1859-1558
69	Trần Đức Tường , Tăng Văn Phô, Dương Xuân Chữ và Bùi Thị Minh Diệu (2017), "Tác dụng hạ lipid máu của nấm Vân Chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i> (L.: Fr.) Murr.) trên mô hình gây tăng lipid máu nội sinh bằng tyloxapol ở chuột nhắt trắng", Tạp chí Y học Việt Nam, 461(2): 186-190. ISSN: 1859-1868.
70	Tran Duc Tuong , Duong Xuan Chu, and Bui Thi Minh Dieu (2018), "Hypoglycemic activity of fruiting body extracts from <i>Pycnoporus sanguineus</i> (L.: Fr.) Murrill mushroom", <i>Academia Journal of Biology</i> , 40(3): 37-44. ISSN: 2615-9023. DOI: 10.15625/2615-9023/v40n3.13146
71	Trần Đức Tường , Võ Thị Thu Duyên, Dương Xuân Chữ và Bùi Thị Minh Diệu (2019), "Hiệu quả của thay thế mùn چرا cây cao su bằng vỏ tràm trong nuôi trồng nấm vân chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i> (L.: Fr.) Murrill)". <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> , Tập 55(số 2: số chuyên đề Công nghệ Sinh học 2019): 74-80. ISSN: 1859-2333. DOI:10.22144/cu.jsti.2019.046
72	Trần Đức Tường (2019), "Nghiên cứu trồng nấm Vân Chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>) trên phế phụ phẩm cùi bắp và vỏ trấu", <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , Số 370/2019: 29-35. ISSN: 1859-4581
73	Lê Nguyễn Phương Thu, Trần Khánh Hải, Trần Đức Tường và Dương Xuân Chữ (2019), "Nghiên cứu độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao chiết ethanol quả thể nấm Vân Chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>) trên chuột nhắt trắng, <i>Tạp chí Y Dược học Cần Thơ</i> , Số 20-25/2019 (số chuyên đề Hội nghị khoa học công nghệ toàn quốc 2019): 556-563. ISSN: 2354-1210
74	Tran Duc Tuong , Duong Xuan Chu, and Bui Thi Minh Dieu (2020), "Antioxidant activity of fruiting body extracts from <i>Pycnoporus sanguineus</i> mushroom", <i>Vietnam Journal of Science and Technology</i> , 58(2): 143-151. ISSN: 2525-2518. DOI:10.15625/2525-2518/58/2/14400
75	Nguyễn Thị Nguyệt Bình, Nguyễn Thị Như Ngọc và Trần Đức Tường (2020), "Nghiên cứu thử nghiệm trồng nấm bào ngư xám (<i>Pleurotus sajor-caju</i> (Fr.) Sing.) trên phụ phế phẩm cùi bắp, vỏ trấu và lục bình", <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , số 397/2020: 75-79. ISSN: 1859-4581
76	Huyh Van Truong, Nguyen Huu Hiep, Nguyen Trung Kien, Nguyen Minh Phuong, Tran Huynh Trung, Ly Tu Huong, Huyh Gia Bao, Le Thi Cam Tu, Nguyen Thang, Tran Duc Tuong , and Quach Van Cao Thi (2020), "Research on Endophytic Bacteria in <i>Houttuynia cordata</i> Thumb. With Antibacterial Activity against <i>Staphylococcus aureus</i> from Human Furuncles", <i>International Journal of Scientific Engineering and Applied Science</i> , 6(11): 81-92. ISSN: 2395-3470
77	Quách Thị Thanh Tâm, Võ Thị Ngọc Bích, Trần Đức Tường và Bùi Thị Minh Diệu (2021), "Ảnh hưởng của thực ăn hỗn hợp lúa và trùn quế đến chi tiêu thân thịt gà ta Gò Công", <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , Số 413/2021: 113-117. ISSN:

	1859-4581
	Ha Danh Duc, Nguyen Thi Dieu Thuy, Le Uyen Thanh, Tran Duc Tuong , and Nguyen Thi Oanh (2021), "Degradation of Duxron by a Bacterial Mixture and Shifts in the Bacterial Community During Bioremediation of Contaminated Soil", <i>Current Microbiology</i> , https://doi.org/10.1007/s00284-021-02685-5
78	Tran Duc Tuong , Pham Ha Thanh Nguyen, and Pham Van Hiep (2021), "Antibacterial activity of fruiting body extracts from <i>Pycnoporus sanguineus</i> mushroom", <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , ISSN: 0866-7675
79	Nguyễn Kim Búp , Lê Thị Thủy Tiên, Bùi Trang Việt (2016), Ảnh hưởng của các chất điều hòa sinh trưởng thực vật lên sự tăng trưởng và tích lũy lipid trong nội rân của trái Dừa Ta Xanh (<i>Cocos nucifera</i> L.), Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG Thành Phố Hồ Chí Minh (Tập 19, T4/2016; 43-51).
80	Nguyễn Kim Búp (2019), Nghiên cứu chế độ khử trùng và ảnh hưởng của benzyI adenin (BA) đến sự nhân chồi mạn Hòa An (syzygium samarangense) in vitro, Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn, (357): 22-28.
81	Kim Bup Nguyen , Gia Buu Tran, Hong Thien Van (2020). Comparison of five wax apples (Syzygium samarangense) from Dong Thap Province, Vietnam based on morphological and molecular data, <i>Banats Journal of Biotechnology</i>
82	Hong Thien Van, Quoc Tuan Tran, Thi Thuy Huynh Tran, Ngoc Buu Tran, Nhut Thao Huynh, Kim Bup Nguyen , Ba Thanh Nguyen, Uyen Thuy Xuan Phan (2020). Chemical Constituents and Bacterial Activity of Essential Oils of Five Wax Apples (<i>Syzygium samarangense</i>) from Dong Tap Province, Vietnam, <i>Agriculturae Conspectus Scientificus</i> , 85(2):145-152.
83	Nguyễn Kim Búp , Võ Thị Ngọc Trâm (2021). Tìm hiểu sự đậu trái ở cây dừa dứa (<i>Cocos nucifera</i> L.) trong mùa mưa
84	An T.N. Dang, Lalit Kumar, Michael Reid, Lu N.T. Anh (2021), <i>Modelling the susceptibility of wetland plant species under climate change in the Mekong Delta, Vietnam</i> , <i>Ecological Informatics</i> , 64 (2021) 101358, 1-15.
85	Lu Ngọc Tram Anh , Nguyen Thi Hai Ly, Nguyen Ho (2021), <i>Distribution of mangrove plants in Con Ong Trang, Ca Mau Cape National Park</i> , <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , 10(5), 78-84.
86	Nguyễn Thị Phương, Lư Ngọc Trâm Anh và Nguyễn Thị Hải Lý (2021), <i>Ảnh hưởng của hệ thống đê bao đến một số tính chất đất trồng lúa và màu tại tỉnh Đồng Tháp</i> , Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, 10(131), 106-112.
87	Võ Thị Phương, Nguyễn Du Sanh, Huỳnh Thị Thanh Trúc, Nguyễn Thị Huỳnh Như, Phạm Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Be Nhanh and Lu Ngọc Tram Anh (2021), <i>Effects of submergence depth on the growth and tuberization of Eleocharis ochrostachys</i> Steud., <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , 10(5), 62-68.
88	Nguyễn Thị Hai Ly, Lu Ngọc Tram Anh and Nguyen Ho (2021), <i>Application of multivariate statistical analysis in ecological environment research</i> , <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , 10(5), 115-120.
89	Nguyen Thi Hai Ly and Lu Ngọc Tram Anh (2020), <i>The impacts of soil and local humans on plant distribution and diversity in the fluvial floodplain, An Giang province</i> , <i>Dong Thap University Journal of Science</i> , 9(5), 109-120.
90	Lư Ngọc Trâm Anh , Nguyễn Thị Hải Lý (2020), <i>Đặc điểm của các quần xã thực vật ngập mặn khu vực Mũi Cà Mau</i> , Tạp chí Rừng và Môi trường, Số 99-100, 42-46.
91	Nguyễn Hồ, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Phương, Lư Ngọc Trâm Anh , Nguyễn Thị Hải Lý và Nguyễn Thị Hồng Diệp (2020), <i>Đánh giá sự thay đổi đất ngập nước vùng Đồng Tháp Mười bằng tư liệu ảnh viễn thám Landsat</i> , <i>HNUE Journal of Science</i> , <i>Natural Sciences</i> , 65(3), 194-204.
92	

93	Phạm Quốc Việt, Lê Thị Thu Hương, Lư Ngọc Trâm Anh (2019), <i>Đa dạng tài nguyên thực vật thân gỗ rừng ngập mặn tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau</i> , Tạp chí Rừng và Môi trường, Số 95, 41-44.
94	Lê Thị Thu Hương, Hồ Thị Kim Yến, Lư Ngọc Trâm Anh (2018), <i>Thành phần loài và giá trị sử dụng của thực vật ngập mặn ở xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau</i> , Tạp chí Rừng và Môi trường, Số 89, 44-47.
95	Nguyễn Thị Hải Lý, Lư Ngọc Trâm Anh , Trần Quốc Minh và Nguyễn Hữu Chiêm (2018), <i>Tài nguyên thực vật bậc cao theo điều kiện môi trường đất ở vùng đồi núi thấp, tỉnh An Giang</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 54, Số chuyên đề: Nông nghiệp, 106-116.
96	Lư Ngọc Trâm Anh , Viên Ngọc Nam, Nguyễn Thị Phương Thảo và Nguyễn Thị Hải Lý (2018), <i>Ảnh hưởng của môi số đặc tính thổ nhưỡng đến phân bố thực vật ngập mặn ở Cồn Trong, Cua Ông Trang, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 54, Số chuyên đề: Nông nghiệp, 75-80
97	Lư Ngọc Trâm Anh , Võ Hoàng Anh Tuấn, Viên Ngọc Nam (2017), <i>Tích tụ các bon của rừng ngập mặn ở Cồn Trong, VQG Mũi Cà Mau theo từng giai đoạn</i> , Tạp chí NN&PTNT (số 321, 9/2017, tr.143-148).
98	Lư Ngọc Trâm Anh , Võ Hoàng Anh Tuấn, Viên Ngọc Nam (2017), <i>Trữ lượng các bon đất của rừng ngập mặn ở Cồn Ngoai, VQG Mũi Cà Mau</i> , Tạp chí Rừng & Môi trường (số 83/2017, tr.38-41).
99	Lư Ngọc Trâm Anh , Võ Hoàng Anh Tuấn, Viên Ngọc Nam, Nguyễn Thị Hải Lý, Nguyễn Phan Minh Trung (2017), <i>Dẫn liệu ban đầu về tích tụ carbon trong sinh khối của rừng ngập mặn ở Cồn Ngoai, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau</i> , Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7, Viện Hàn Lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, 1539-1543
100	Nguyễn Thị Hải Lý, Lư Ngọc Trâm Anh , Huỳnh Thị Tròn và Nguyễn Hữu Chiêm (2017), <i>Đa dạng tài nguyên cây thuốc ở Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang</i> , Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7, Viện Hàn Lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, 1332-1339.
101	Lư Ngọc Trâm Anh , Viên Ngọc Nam, Dương Đức Thành (2017), <i>Phân bố thực vật rừng ngập mặn ở Cồn Ngoai, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau</i> , Hội Nghị Quốc tế lần 3 “Nghiên cứu biển, cửa sông và bãi bồi”-ECSS 2017, 474-482.

VII. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN

CỨU KHOA HỌC

Trong những năm qua, trường Đại học Đồng Tháp đã thực hiện được một số hoạt động hợp tác quốc tế như:

- Ký kết và tiếp nhận dự án PHE của quỹ FORD Hoa Kỳ, hỗ trợ sinh viên thiết thời trong việc học tập.
- Ký kết với tổ chức Fulbright Hoa Kỳ và tiếp nhận các học giả Fulbright về giảng dạy tại trường.
- Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch của dự án PHE, giúp sinh viên thiết thời của trường có cơ hội học tập tốt hơn, đặc biệt là tiếng Anh và Tin học.
- Sử dụng tốt và hiệu quả các học giả Fulbright trong công tác giảng dạy, hội thảo khoa học.

- Tổ chức nhiều đoàn cán bộ giảng viên đi tham quan học tập ở Lào, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Hoa Kỳ.

- Tiếp đón nhiều đoàn khách nước ngoài về thăm và làm việc với trường về trao đổi học giả, sinh viên, công tác xã hội...

- Hiện tại có hơn 40 CBGV đang đi học, tập huấn, công tác ở nước ngoài; 03 giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại trường.

VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Khi xây dựng đề án mở ngành sinh học trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Đồng Tháp xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong mở ngành đào tạo ngành thạc sĩ sinh học như sau: (i) *điểm mạnh* là có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng động, tích cực, có trách nhiệm, có khả năng làm việc với cường độ cao, giảng viên có tâm huyết; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ cho đổi mới phương pháp giảng dạy; có khả năng linh hoạt trong đổi mới chương trình đào tạo; (ii) *điểm yếu* là thiếu kinh nghiệm; (iii) *cơ hội* là nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành sinh học trình độ thạc sĩ rất cao; (iv) *thách thức* là mức độ cạnh tranh cao giữa các trường đào tạo ngành sinh học trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long; nhu cầu về chất lượng nhân lực ngày càng cao, điều này đòi hỏi ngành sinh học trình độ thạc sĩ phải không ngừng cải tiến về chất lượng đáp ứng mong đợi của người học và nhà sử dụng lao động. Để phát huy điểm mạnh, tận dụng cơ hội cũng như khắc phục điểm yếu, giải quyết các thách thức, Nhà trường xác định các phương án, giải pháp như sau:

8.1. Tập trung quản lý đầu vào, quá trình đào tạo và kết quả đầu ra

Quản lý đầu vào

Việc xác định nhu cầu đào tạo đối với ngành sinh học trình độ thạc sĩ ở Trường Đại học Đồng Tháp là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản lý đào tạo. Qua đó, giúp Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng cho đào tạo, như: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo một cách có cơ sở khoa học và thực tiễn. Từ đó, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu xã hội về số lượng cũng như chất lượng đào tạo. Việc làm này giúp giải quyết được bài toán giữa nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của Nhà trường.

Để đào tạo ngành học đáp ứng được nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định mục tiêu đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo đại học; các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và thực hành - thực tế ngành sinh học được thể hiện bằng các đề

ương môn học hoặc các chuyên đề đào tạo với thời lượng tương ứng; quá trình tự thực hiện và đánh giá kết quả trong khóa đào tạo.

Bên cạnh đó Nhà trường có kế hoạch rà soát đội ngũ nhân sự, có kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ ngành sinh học trình độ thạc sĩ kịp thời; Chú trọng công tác tuyển sinh, chất lượng sinh viên đầu vào; Xây dựng chương trình đào tạo (tham khảo, đối sánh với các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế có đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ; Rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu, giáo trình, bài giảng đảm bảo cho sinh viên học tập, nghiên cứu thuận lợi nhất.

Quản lý quá trình đào tạo

Quản lý quá trình dạy và học là một quá trình kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa việc dạy và học cần được hoàn thành trọn vẹn từ khâu chuẩn bị ban đầu cho đến khi có kết quả cuối cùng. Thấy được những rủi ro trong quá trình đào tạo ngành Sinh học, Nhà trường đã dự báo yếu tố có liên quan; phân tích hiện trạng; xác định mục tiêu; xây dựng hệ thống các giải pháp thực hiện kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ, đồng thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đào tạo.

Tổ chức, phối hợp với các đơn vị sử dụng nhân lực ngành sinh học để sinh viên được trải nghiệm, rèn nghề. Phối hợp với các trường có đào tạo ngành Sinh học trong vùng, trong cả nước để trao đổi kinh nghiệm trong học tập, giảng dạy Sinh học.

Quản lý các yếu tố đầu ra

Kết quả đầu ra có sự gắn kết với kết quả đầu vào và quá trình đào tạo. Nếu kết quả đầu vào và quá trình đào tạo có chất lượng sẽ cho kết quả đầu ra có chất lượng. Tuy vậy, để đánh giá đúng kết quả đầu ra cần có nhiều thông tin từ người học, từ đơn vị sử dụng lao động. Chính vì vậy, xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra của sinh viên ngành sinh học, Nhà trường đã có kế hoạch, dự báo để đánh giá đúng chất lượng đầu ra bảo đảm sự hài lòng của người học, hài lòng của đơn vị sử dụng lao động và xã hội.

8.2. Quản lý những rủi ro khi mở ngành sinh học trình độ thạc sĩ

Quá trình quản lý rủi ro là một phần không tách rời của quản lý, có nhiều rủi ro khi mở ngành sinh học. Nhận thấy những rủi ro này, Nhà trường đã thực hiện các bước nhằm xây dựng kế hoạch khắc phục những nguy cơ trong khi mở ngành sinh học như sau: (i) rủi ro đến chất lượng nguồn nhân lực; (ii) rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo; (iii) rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên chuyên công tác; (iv) rủi ro trong chất lượng tuyển sinh; (v) rủi ro chất lượng đầu ra; (vi) rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được mã ngành đào tạo.

Để khắc phục các rủi ro như dự báo. Nhà trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp sau:

Một là, rà soát đội ngũ nguồn nhân lực đào tạo ngành sinh học trình độ thạc sĩ và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng;

Hai là, thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực ngành sinh học trình độ thạc sĩ, thị trường lao động vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đầu tư công của Nhà nước, chính sách của Nhà nước phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long; chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành sinh học ở các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

Ba là, thu thập thông tin, đánh giá về tình hình kinh tế, xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

Bốn là, tìm hiểu các cơ sở đào tạo ngành sinh học để phân tích tính cạnh tranh khi mở ngành;

Năm là, trao đổi thông tin và tham vấn các chuyên gia về những rủi ro, nguyên nhân rủi ro, hậu quả xảy ra; Biện pháp kiểm soát rủi ro; thúc đẩy việc trao đổi thông tin một cách trung thực, để hiểu, chính xác, có tính đến khía cạnh bảo mật;

Sáu là, tập trung lãnh đạo, quản lý đào tạo ngành sinh học từ kết quả đầu vào, quá trình và đầu ra. Đồng thời thường xuyên đánh giá tình hình bối cảnh để đào tạo nhân lực, phát triển chương trình đào tạo ngành sinh học được cập nhật mới, đáp ứng sự hài lòng của người học, mong đợi của đơn vị sử dụng lao động và mong đợi của xã hội.

IX. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề án mở ngành đào tạo Sinh học trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp được xây dựng dựa theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Đề án này được xây dựng dưới sự chủ trì của Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên, được triển khai theo trình tự sau:

Từ 20/03/2022 đến 26/04/2022, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên tiến hành nghiên cứu các cơ sở pháp lý và thực tiễn, xây dựng đề xuất chủ trương mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ, mã số 8420101.

Từ đề xuất của Khoa, ngày 28/04/2022, phòng Đào tạo Sau đại học – đơn vị trực tiếp quản lý hoạt động đào tạo sau đại học đã trình Hiệu trưởng trường Đại học Đồng

Tháp Dè nghị số 57/DN-DTSDH về việc lấy ý kiến xem xét của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về chủ trương mở ngành.

Ngày 29/04/2022, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp đã có công văn số 678/DHDT-DTSDH đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho ý kiến về các điều kiện mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức thẩm định và nhất trí thông qua và đề xuất cho Hiệu trưởng chủ trương mở ngành bằng Biên bản Kỳ họp tháng 5 ngày 10 tháng 05 năm 2022.

Trên cơ sở đề xuất thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp báo cáo Hội đồng Trường chủ trương mở ngành bằng tờ trình số 946/Tr-DHDT ngày 08 tháng 6 năm 2022.

Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp đã xem xét và ban hành Nghị Quyết số 76/NQ-HDKHDT ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc phê duyệt chủ trương mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8420101.

Trên cơ sở Nghị Quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quyết định số 1425/QĐ-DHDT ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Sinh học và Quyết định số 1430/QĐ-DHDT ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng xây dựng Đề án mở ngành Sinh học trình độ Thạc sĩ.

Ban xây dựng chương trình đào tạo đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo một cách khẩn trương, khoa học và tuân thủ các quy định hiện hành. Trên cơ sở chương trình đào tạo được xây dựng, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quyết định số 1914/QĐ-DHDT ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8420101.

Căn cứ vào kết quả của phiên họp Hội đồng thẩm định, Ban xây dựng chương trình đào tạo ngành Sinh học đã tiến hành giải trình, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Sinh học theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Ngày 06/10/2023, trên cơ sở Đề nghị số 128/DN-DTSDH của phòng Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 5698/QĐ-DHDT ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc thành lập Tổ kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ.

Căn cứ biên bản họp kiểm tra điều kiện thực tế ngày 18/12/2023, Hiệu trưởng đã gửi văn bản số 5465/DHDT-DTSDH ngày 28 tháng 11 năm 2023 đề nghị Hội đồng

Khoa học và Đào tạo trường tiến hành thẩm định Đề án mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ.

Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 5970/QĐ-DHDT ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng và tổ giám sát Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Đồng Tháp đã tổ chức thẩm định toàn bộ hồ sơ Đề án, bao gồm chương trình đào tạo, các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, các văn bản và quy trình có liên quan. Tại Biên bản cuộc họp, toàn bộ các thành viên Hội đồng đã thống nhất thông qua Đề án mở ngành đào tạo Sinh học, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8420101.

Dựa trên kết quả thẩm định chương trình đào tạo và nghị quyết thông qua Đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 6125/QĐ-DHDT ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành Đề án mở ngành đào tạo Sinh học, trình độ Thạc sĩ, mã ngành: 8420101. Và Quyết định số 6127/QĐ-DHDT ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Sinh học, trình độ thạc sĩ (Kèm Khung CTĐT và Bản mô tả CTĐT).

Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 71/QĐ-DHDT ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc mở ngành đào tạo Sinh học, trình độ thạc sĩ.

Từ những điều trên, có thể khẳng định rằng, quy trình xây dựng Đề án mở ngành Sinh học, trình độ Thạc sĩ, mã ngành: 8420101 của Trường Đại học Đồng Tháp được xây dựng đúng theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Bên cạnh đó, các điều kiện về chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất; tổ chức bộ máy quản lý; phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo; trang thiết bị; thư viện phục vụ mở ngành Sinh học trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu quy định hiện hành.

X. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Đề án mở ngành đào tạo Sinh học trình độ thạc sĩ đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường DHDT thông qua tại phiên họp ngày 25 tháng 12 năm 2023 (*văn bản kèm theo hồ sơ*).

Địa chỉ website đang thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường DHDT là <https://dthu.edu.vn>. Đề án mở ngành đã được công khai tại website <https://dthu.edu.vn>.

Đề nghị của cơ sở đào tạo: Trường DHDT kinh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét Đề án và cho phép Trường DHDT mở ngành đào tạo Sinh học, trình độ thạc sĩ, mã số 8420101.

Cam kết triển khai thực hiện: Trường DHDT cam kết triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Sinh học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Tháp, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước./..

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, P.DTSDH